

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không

Báo cáo thường niên

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013



trên 29 doanh nghiệp Bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam. VNI đã xây dựng được hệ thống mạng lưới chi nhánh toàn quốc, cung cấp sản phẩm bảo hiểm đa dạng, phong phú, giám sát chặt chẽ các hoạt động giám định bồi thường, từng bước tạo được niềm tin và uy tín đối với khách hàng.

Năm 2013 là năm thứ năm đánh dấu sự có mặt của VNI trên thị trường bảo hiểm, mặc dù hoạt động kinh doanh của VNI chịu tác động lớn của khủng hoảng kinh tế thế giới, kinh tế vĩ mô trong nước còn khó khăn, lạm phát tăng cao, là năm kỷ lục về thiên tai ở một số nước trong đó có Việt Nam, và nhiều vấn đề tồn tại như tình trạng cạnh tranh không lành mạnh, thông tin hạ phí bảo hiểm... nhưng VNI vừa củng cố, xây dựng hệ thống, vừa phát triển doanh số, xây dựng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO đồng thời vẫn tiếp tục hoàn thành để đạt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Với kết quả này, VNI vẫn khẳng định thương hiệu, sản phẩm và vị thế trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ.

Bên cạnh đó với lợi thế có sự tham gia và hỗ trợ từ cổ đông sáng lập là các tập đoàn, doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam đã tạo cho VNI nền móng vững chắc cho sự phát triển trong tương lai.

3. Ngành nghề kinh doanh và địa bàn

Ngành nghề kinh doanh

VNI cung cấp tất cả các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ hiện có trên thị trường gồm: bảo hiểm hàng không, bảo hiểm tài sản, bảo hiểm kỹ thuật, bảo hiểm trách nhiệm... VNI phục vụ mọi đối tượng khách hàng thuộc các thành phần kinh tế trong và ngoài nước, bao gồm các dự án đầu tư, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các hiệp hội, tổ chức và các khách hàng cá nhân.

Địa bàn kinh doanh

Hiện nay, VNI đã triển khai mở rộng hệ thống các chi nhánh và văn phòng khu vực tại nhiều tỉnh thành trên toàn quốc bao gồm Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng, Hải Dương, Vinh, Ninh Bình, Thanh Hóa, Quảng Nam, Quảng Ninh, Tây Nguyên. Đồng thời, VNI cũng dự kiến sẽ triển khai các chi nhánh, văn phòng trong giai đoạn tới tại Lào Cai, Vĩnh Phúc, Huế, Quảng Trị, Nha Trang, Cần Thơ, Bình Dương, An Giang...

Về mạng lưới đại lý khai thác, VNI đã được triển khai rộng khắp nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng trên phạm vi toàn quốc. Ngoài ra, VNI cũng đã thiết lập mạng lưới cứu hộ, giám định trải dài và rộng khắp hỗ trợ tích cực và hiệu quả cho công tác dịch vụ khách hàng, giải quyết bồi thường.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị

Hiện tại, VNI đang áp dụng theo mô hình tổ chức của công ty cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của VNI, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ VNI. Qua quá trình phát triển và ngày càng kiện toàn bộ máy quản lý.

Bộ máy quản lý

Đội ngũ cán bộ lãnh đạo của VNI được đào tạo bài bản, có kinh nghiệm, am hiểu luật pháp Việt Nam và quốc tế, tạo ra một bộ máy phối hợp và gắn kết chặt chẽ, luôn phấn đấu hết mình để tự hoàn thiện, mang lại cho khách hàng những dịch vụ và sản phẩm chất lượng cao nhất.

Cơ cấu bộ máy quản lý của VNI như sau:

4.1. Đại Hội đồng Cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông uỷ quyền. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại Hội đồng Cổ đông được quy định tại Điều 14 Điều lệ Công ty ban hành ngày 28/06/2013.

4.2. Hội đồng Quản trị

Thành phần:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
1	Ông Trần Thanh Hiền	Chủ tịch
2	Ông Phạm Hồng Thái	Ủy viên
3	Ông Đào Mạnh Kháng	Ủy viên
4	Bà Sử Bùi Bảo Ngọc	Ủy viên
5	Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Ủy viên
6	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Ủy viên
7	Ông Phạm Việt Minh	Ủy viên

Quyền hạn và nhiệm vụ

Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị được quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty ban hành ngày 28/06/2013.

4.3. Ban Kiểm soát

Thành phần

STT	Thành viên BKS	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thị Kim Thoa	Trưởng Ban
2	Ông Lương Đức Chính	Thành viên
3	Bà Nguyễn Thị Thiên Kim	Thành viên
4	Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Thành viên

Quyền hạn và nhiệm vụ

Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty ban hành ngày 28/06/2013.

4.4. Ban Tổng Giám đốc

Thành phần:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Anh Đức	Tổng giám đốc
2	Ông Vũ Tuấn Phan	Phó Tổng giám đốc
3	Ông Trần Trọng Dũng	Phó Tổng giám đốc

Quyền hạn và nhiệm vụ:

Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc được quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty ban hành ngày 28/06/2013.

4.5. Ban Thư ký-Tổng hợp

Chức năng và nhiệm vụ:

Tham mưu, tư vấn cho Chủ tịch HĐQT và HĐQT thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng pháp luật và Điều lệ Công ty quy định;

Xây dựng quy trình, kế hoạch kiểm toán nội bộ trình HĐQT phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm toán nội bộ đã được HĐQT phê duyệt. Phối hợp với BKS và Ban Pháp chế KSNB Công ty trong việc thực hiện kiểm tra giám sát, đánh giá mọi mặt hoạt động của Công ty; Theo dõi việc thực hiện các khuyến nghị sau kiểm tra

4.6. Văn phòng Công ty

Chức năng và nhiệm vụ:

Tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc trong quản lý và tổ chức thực hiện các lĩnh vực sau:

- ✦ Công tác quản lý và phát triển nguồn nhân lực;
- ✦ Công tác lao động, tiền lương và chế độ chính sách trong toàn Công ty;
- ✦ Công tác hành chính, quản trị và văn thư lưu trữ; và
- ✦ Công tác phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành và kinh doanh của Công ty.

4.7. Ban Tài chính – Kế toán

Chức năng và nhiệm vụ

Tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc trong quản lý và tổ chức thực hiện các lĩnh vực sau:

- ✦ Công tác tài chính – kế toán của Công ty;
- ✦ Công tác đầu tư tiền gửi; và
- ✦ Công tác quản lý hóa đơn, ấn chi.

4.8. Ban Kế hoạch Đầu tư & Phát triển kinh doanh

Chức năng và nhiệm vụ

Tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc trong quản lý và tổ chức thực hiện các lĩnh vực sau:

- ✦ Công tác kế hoạch kinh doanh;
- ✦ Công tác phát triển kinh doanh và mạng lưới; và
- ✦ Công tác đầu tư.

4.9. Ban Pháp chế - Kiểm tra nội bộ

Chức năng và nhiệm vụ

Tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc trong quản lý và tổ chức thực hiện các lĩnh vực sau:

- ✦ Công tác pháp chế - kiểm soát nội bộ;
- ✦ Công tác duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008;
- ✦ Công tác thư ký, tổng hợp.

4.10. Ban Nghiệp vụ 1

Chức năng và nhiệm vụ

Tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc các mặt công tác liên quan đến nghiệp vụ bảo hiểm hàng hải, bảo hiểm tài sản kỹ thuật và bảo hiểm trách nhiệm (bao gồm cả những Hợp đồng bảo hiểm của các nghiệp vụ này có liên quan đến lĩnh vực hàng không), bảo hiểm hỗn hợp (loại trừ những sản phẩm có liên quan đến con người, xe cơ giới) trên toàn hệ thống Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không (VNI) như sau:

- ✦ Công tác tổ chức khai thác và quản lý nghiệp vụ;
- ✦ Công tác quản lý rủi ro, giám định, bồi thường và thu đòi người thứ ba; và
- ✦ Công tác kiểm tra, giám sát và đào tạo, hướng dẫn nghiệp vụ.

4.11. Ban Nghiệp vụ 2

Chức năng và nhiệm vụ

Tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc các mặt công tác liên quan đến nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm con người (bao gồm cả sản phẩm bảo hiểm hỗn hợp liên quan đến con người) và phát triển đại lý trên toàn hệ thống Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không (VNI) như sau:

- ✦ Công tác tổ chức khai thác và quản lý nghiệp vụ;
- ✦ Công tác quản lý rủi ro, giám định, bồi thường và thu đòi người thứ ba;
- ✦ Công tác quản lý, phát triển và hoàn thiện mạng lưới đại lý bảo hiểm phi nhân thọ; và
- ✦ Công tác kiểm tra, giám sát và đào tạo, hướng dẫn nghiệp vụ.

4.12. Ban Hàng không

Chức năng và nhiệm vụ

- ✦ Đầu mối tổ chức khai thác dịch vụ bảo hiểm hàng không (gồm cả nhận, nhượng tái bảo hiểm và bồi thường) đối với các Hãng hàng không, Cảng Hàng không, các tổ chức hoạt động tại Cảng hàng không;
- ✦ Đầu mối hướng dẫn, hỗ trợ các Đơn vị thuộc Công ty khai thác dịch vụ bảo hiểm hàng không và dịch vụ có liên quan đến hoạt động hàng không; và
- ✦ Tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc trong các hoạt động quản lý và xây dựng định hướng, chiến lược phát triển nghiệp vụ bảo hiểm hàng không.

4.13. Ban Tái bảo hiểm

Chức năng và nhiệm vụ

- ✦ Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong hoạt động quản lý và tổ chức thực hiện công tác Tái bảo hiểm trong toàn Công ty (không gồm nghiệp vụ bảo hiểm hàng không); và
- ✦ Kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm (không gồm nghiệp vụ bảo hiểm hàng không).

4.14. Trung tâm kinh doanh

Chức năng và nhiệm vụ

Tổ chức khai thác và tham mưu cho Ban Tổng giám đốc trong công tác tổ chức khai thác dịch vụ bảo hiểm (không gồm nghiệp vụ bảo hiểm hàng không) đối với nhóm khách hàng lớn bao gồm:

- ✦ Nhóm khách hàng chiến lược (khách hàng có sự tham gia của cổ đông), khách hàng cùng khai thác với các công ty bảo hiểm khác;
- ✦ Khách hàng có tài sản, dự án lớn; và
- ✦ Khách hàng là doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, khách hàng khai thác qua môi giới/Bancassurance.

5. Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu

- ✦ Trở thành một trong 5 thương hiệu bảo hiểm phi nhân thọ hàng đầu tại Việt Nam;
- ✦ Công ty hàng đầu khu vực trong lĩnh vực bảo hiểm hàng không ;
- ✦ Cung cấp đa dạng các sản phẩm, dịch vụ chất lượng và chuyên nghiệp;
- ✦ Duy trì môi trường văn hóa doanh nghiệp năng động, sáng tạo;
- ✦ Mang lại giá trị thiết thực cho khách hàng, cổ đông và đội ngũ cán bộ; và
- ✦ Là đối tác tin cậy của thị trường trong nước và quốc tế.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- ✦ Tập trung nâng cao năng lực quản lý, hướng tới nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, tập trung khai thác triệt để các khách hàng trong cổ đông;
- ✦ Tập trung khai thác các loại hình bảo hiểm có hiệu quả cao, hạn chế khai thác các loại hình bảo hiểm kém hiệu quả;
- ✦ Không ngừng hoàn thiện, sửa đổi bổ sung các sản phẩm hiện có, đồng thời nghiên cứu và đưa ra thị trường các sản phẩm mới có tính khác biệt nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cũng như vị thế của VNI trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam;
- ✦ Xây dựng cơ chế giao khoán cho các đơn vị đủ sức cạnh tranh trên thị trường;
- ✦ Định hướng đẩy mạnh phát triển nghiệp vụ bảo hiểm hàng không, bảo hiểm tài sản, bảo hiểm kỹ thuật, bảo hiểm trách nhiệm, bảo hiểm con người, bảo hiểm hàng hóa, bảo hiểm tàu thủy; cơ cấu giảm tỷ trọng nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm con người (VNI Care);
- ✦ Tiếp tục tìm kiếm cơ hội để nâng cao hiệu quả đầu tư;
- ✦ Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, kiểm soát hệ thống; đặc biệt kiểm soát tình hình bồi thường;
- ✦ Tiếp tục củng cố công tác tổ chức cán bộ; và
- ✦ Đăng ký quản lý hệ thống quản lý chất lượng ISO.

6. Các rủi ro

Rủi ro kinh tế

Năm 2013, tuy tình hình có cải thiện hơn, nhưng về cơ bản nền kinh tế đang đối diện với 4 thách thức ngắn hạn như sau :

Thứ nhất, nguy cơ lạm phát vẫn “rình rập” khi mà nguyên nhân bên trong của nền kinh tế chưa được giải quyết.

Thứ hai, tình hình nợ xấu chưa được cải thiện, nên dòng tín dụng vẫn bị tắc nghẽn, nền kinh tế không hấp thụ được vốn. Tình trạng thừa tiền, thiếu vốn còn kéo dài. Khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp vẫn còn khó khăn, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Thứ ba, Lãi suất cho vay còn khá cao, nhất là lãi suất vay trung- dài hạn, dẫn tới kích thích được các doanh nghiệp đang có thị trường mở rộng đầu tư và vẫn là nguy cơ làm tăng nợ xấu đối với những doanh nghiệp đang nỗ lực phục hồi sản xuất. *Thứ tư*, những nỗ lực để làm “ấm” thị trường bất động sản chưa thể mang lại kết quả, nên thanh khoản của thị trường này khó được cải thiện. Gói hỗ trợ lãi suất 30.000 tỷ đồng để hỗ trợ thị trường bất động sản cho đến nay chưa mang lại kết quả đáng kể. Một khi thanh khoản của thị trường bất động sản chưa cải thiện, thì việc xử lý nợ xấu của ngân hàng thương mại cũng sẽ khó khăn.

Cộng với đó là, trong năm 2013 tình hình kinh tế thế giới còn diễn biến thất thường, có tác động bất lợi đối với những nền kinh tế có độ mở lớn như nền kinh tế Việt Nam.

Bức tranh chung về kinh tế Việt Nam năm 2013 được đánh giá là vẫn còn những mảng sáng tối đan xen lẫn lộn, mặc dù kinh tế được xem là “chạm đáy” nhưng rõ ràng những dấu hiệu tích cực cũng đã bắt đầu xuất hiện, hẳn đó sẽ là những tiền đề để năm 2014, kinh tế Việt Nam sẽ có những bước chuyển mình, dù ít dù nhiều, nền kinh tế Việt Nam sang năm 2014 sẽ “thoát đáy”.

Rủi ro về cơ chế chính sách pháp luật

Là doanh nghiệp cổ phần hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, VNI chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, đầu tư vốn, luật doanh nghiệp, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Hiện nay luật và các văn bản dưới luật trong các lĩnh vực trên đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp.

Rủi ro đặc thù

Trục lợi bảo hiểm: Trục lợi bảo hiểm làm giảm lợi nhuận, khiến cho hiệu quả sản xuất kinh doanh bị hạn chế, thậm chí có những tác động xấu đến uy tín của doanh nghiệp bảo hiểm. Thế nhưng trục lợi bảo hiểm đã và đang diễn ra hết sức phức tạp, tinh vi ở nhiều nghiệp vụ bảo hiểm.

Trong việc cấp đơn bảo hiểm, do tính minh bạch chưa cao nên người tham gia bảo hiểm có xu hướng trục lợi bảo hiểm. Tình trạng khách hàng tham gia bảo hiểm ở nhiều công ty bảo hiểm tại cùng một thời điểm để trục lợi không phải là hiếm (như vụ ông Nguyễn Văn U. ở Hải Dương tham gia bảo hiểm nhân thọ tại hai doanh nghiệp bảo hiểm lớn với tổng số tiền bảo hiểm lên tới trên 1 tỷ đồng Việt Nam trong khi biết mình có căn bệnh nan y không thể chữa khỏi là một ví dụ điển hình đã được nhiều cơ quan báo chí đưa tin)...

Đối với một số lĩnh vực, khách hàng thực hiện hành vi trục lợi như lẽ tất yếu và có tính thường xuyên. Cụ thể: Hàng hóa được yêu cầu bảo hiểm trong hành trình vận chuyển, nhưng

chưa đóng phí bảo hiểm; khi biết hàng về đến nơi an toàn rồi khách hàng xin hủy đơn bảo hiểm hoặc hủy hợp đồng bảo hiểm để trốn tránh trách nhiệm đóng phí. Có chủ hàng biết tin hàng hóa của mình bị tổn thất rồi mới đến mua bảo hiểm hoặc thông đồng với cán bộ của doanh nghiệp bảo hiểm để mua bảo hiểm và nhận bồi thường cho tổn thất đó. Cũng có trường hợp trực lợi bị phát hiện khi hàng hóa được mua bảo hiểm vận chuyển trên một con tàu ma tức là con tàu đó không tồn tại thực tế. Khách hàng lừa đảo mua bảo hiểm rồi quy cho tàu “mất tích” để trực lợi đòi bồi thường toàn bộ...

Trong bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm tàu thuyền, trực lợi bảo hiểm được thực hiện thông qua việc hợp lý hóa ngày và hiệu lực bảo hiểm. Còn có việc tạo hiện trường giả các vụ tai nạn xe cơ giới, cháy hoặc chìm tàu, cố ý gây tai nạn trong bảo hiểm tài sản và bảo hiểm trách nhiệm, gian lận đối với người thứ ba (không bồi thường cho người thứ ba, mặc dù đã nhận tiền bảo hiểm, hoặc đã đòi người thứ ba có liên đới bồi thường, song không khai báo với doanh nghiệp bảo hiểm...)

Rủi ro về đại lý: Tình trạng các nhân viên bảo hiểm do vô tình hay cố ý ghi sai ngày tham gia bảo hiểm trên giấy chứng nhận bảo hiểm, hoặc đại lý bảo hiểm thông đồng với khách hàng, thậm chí hướng dẫn cho khách hàng lợi dụng kẽ hở về giấy tờ, thủ tục giám định để trực lợi... Hiện tượng khai sai, khai khống tai nạn của người tham gia bảo hiểm, người tham gia bảo hiểm có hành vi thông đồng với những người liên quan như: y, bác sĩ, công an, những người làm chứng trong các vụ tai nạn... đang khá phổ biến ở Việt Nam

Rủi ro về cạnh tranh: Tình trạng cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ diễn ra mạnh mẽ bằng việc hạ phí, mở rộng điều khoản bảo hiểm, bằng nhiều cách hạ thấp uy tín của doanh nghiệp bảo hiểm khác; thậm chí có trường hợp cạnh tranh không lành mạnh giữa các chi nhánh trong cùng công ty bảo hiểm.

Bên cạnh sự phát triển về số lượng doanh nghiệp, sự mở rộng quy mô hoạt động, số lượng người làm việc trong ngành bảo hiểm cũng tăng lên đáng kể, tạo công ăn việc làm cho hơn 14.000 cán bộ, nhân viên và hơn 140.000 đại lý bảo hiểm trên cả nước.

Tuy nhiên, trong bối cảnh số lượng doanh nghiệp bảo hiểm được cấp phép hoạt động ngày một gia tăng càng làm cho môi trường bảo hiểm vốn đã có sự cạnh tranh gay gắt nay càng gay gắt hơn, đặc biệt nguồn nhân lực luôn bị xáo trộn bởi sự chèo kéo của các doanh nghiệp mới.

Tính chất khắc nghiệt này đã buộc các công ty bảo hiểm phải chủ động xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp, mở rộng mạng lưới phân phối và điều quan trọng là đánh thức nhu cầu bảo hiểm từ người dân thông qua việc nâng cao chất lượng dịch vụ giám định và giải quyết bồi thường.

Ngày nay, bảo hiểm không còn quá xa lạ với cộng đồng xã hội. Người dân đã bắt đầu nhận thức đầy đủ vai trò và tầm quan trọng của bảo hiểm đối với cộng đồng và cuộc sống cá nhân. Sự tương tác này đã làm cho “miếng bánh” thị phần bảo hiểm được mở rộng, không bị thu hẹp, co cụm như thời gian trước.

Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ năm 2013 chứng kiến doanh nghiệp nội chạy đua mở rộng thị phần, tăng nóng doanh thu, đã rơi vào cảnh thua lỗ kéo dài. Theo số liệu thống kê của Cục Quản lý giám sát bảo hiểm (Bộ Tài chính), năm qua có tới 17/29 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ lỗ hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của VNI có thể chịu ảnh hưởng của những rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh... Đây là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động kinh doanh của VNI.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Trên cơ sở chỉ tiêu kế hoạch năm 2013 đã được kiểm toán, HĐQT luôn theo dõi tình hình hoạt động Công ty, kịp thời điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận cho phù hợp với thực tế. Cụ thể thực hiện chỉ tiêu kế hoạch năm 2013 như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

Các chỉ tiêu cơ bản	Năm 2013		
	Kế hoạch	Thực hiện ⁽¹⁾	%
1. Tổng doanh thu	565.145.763.706	544.797.526.463	96%
2. Lợi nhuận trước thuế	31.095.602.744	34.493.324.556	111%
3. Lợi nhuận sau thuế	23.227.768.725	25.000.095.183	108%
4. Lỗ lũy kế	-	-	0%
5. Cổ tức	4,6%	4,3%	94%
6. Tổng quỹ tiền lương (bao gồm cả thù lao HĐQT, BKS và Thư ký Công ty)	26.457.350.036	25.095.000.000	98%

Từ bảng trên cho thấy, doanh thu năm 2013 chưa đạt được chỉ tiêu kế hoạch đặt ra nhưng chỉ tiêu lợi nhuận trước và sau thuế đã vượt kế hoạch. Tỷ suất này cho thấy công tác quản trị của VNI đã có nhiều tiến bộ và bước đầu đã đạt được những hiệu quả nhất định. Dưới áp lực của sự bất ổn nền kinh tế trong nước và thế giới, VNI đã không ngừng nỗ lực đưa ra các phương án tối ưu hoá hiệu quả sử dụng chi phí. Đây cũng được coi là một tín hiệu tốt cho VNI về khả năng tăng trưởng và phát triển trong các năm tới.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban Tổng Giám đốc, tóm tắt lý lịch trích ngang

Tổng Giám đốc - Nguyễn Anh Đức			
Ngày sinh	29/01/1974	Nơi sinh	Hà Nội
Số CMTND/Hộ chiếu	011854650	Nơi cấp	Hà Nội Ngày cấp: 13/04/2006
Quê quán	Thạch Hà, Hà Tĩnh		
Địa chỉ thường trú	Tập thể TTNCKH Lưu Trữ, Tổ 50 – Ngõ 92 đường Nguyễn Khánh Toàn, Quận Cầu Giấy, Hà Nội		
Trình độ chuyên môn	- Từ năm 2000 đến 2002: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân		

Tổng Giám đốc – Nguyễn Anh Đức	
	<ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 1996 đến 2000: Thành viên cao cấp - Học viện tài chính và Bảo hiểm Australia & New Zealand - Từ năm 1990 đến 1994: Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành Bảo hiểm - Đại học Kinh tế Quốc dân
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 9/2013 đến nay: TGD Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không - Từ tháng 5/2011 đến tháng 9/2013: Giám đốc Kinh doanh khu vực miền Bắc và miền Trung - Công ty TNHH Bảo hiểm Liberty Việt Nam - Từ năm 2006 đến tháng 5/2011: Giám đốc Ban Bảo hiểm Cháy và Kỹ thuật - Tập đoàn Bảo Việt - Từ năm 2001 đến 2006: Phó Trưởng Ban Bảo hiểm Cháy và Kỹ thuật - Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt - Từ năm 1996 đến 2001: Chuyên viên Thẩm định Khai thác - Ban Bảo hiểm Cháy và Kỹ thuật - Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt - Từ năm 1994 đến 1996: Chuyên viên Tư vấn bảo hiểm - AON Inchinbros Insurance Broker
Chức vụ hiện tại nắm giữ ở các tổ chức khác	Không có

Phó Tổng Giám đốc – Vũ Tuấn Phan	
Ngày sinh	28/07/1968
Nơi sinh	Hà Nội
Số CMTND/Hộ chiếu	011287403 Nơi cấp: Hà Nội Ngày cấp: 06/01/2010
Quê quán	Hà Nội
Địa chỉ thường trú	Số 11, Thanh Miến, phường Văn Miếu, Đống Đa, Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 9/2008 đến nay: Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không - Từ tháng 8/1996 đến tháng 8/1998: Chuyên viên kế toán - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - VPKV miền Bắc - Từ tháng 4/1995 đến tháng 5/1996: Chuyên viên kế toán - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - Từ tháng 5/1990 đến tháng 3/1995: Kế toán viên - Công ty Tem Việt Nam - Hà Nội
Chức vụ hiện tại nắm giữ ở các tổ chức khác	Không có

Phó Tổng Giám đốc - Trần Trọng Dũng	
Ngày sinh	24/04/1965 Nơi sinh Thái Bình
Số CMTND/Hộ chiếu	1004444381 Nơi cấp: Quảng Ninh Ngày cấp: 23/11/2009
Quê quán	Thái Bình
Địa chỉ thường trú	Cầm Phả, Quảng Ninh
Trình độ chuyên môn	- Từ năm 1988 đến năm 1992: Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành Bảo hiểm - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân - Từ tháng 6/1997 đến tháng 10/1997: Liên danh Học viện quốc gia Pháp và học viện Tài chính
Quá trình công tác	- Từ tháng 11/2013: Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không - Từ năm 2007 đến tháng 10/2013: Giám đốc Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp - Từ tháng 01/2007 đến tháng 09/2007: Phó TGD phụ trách PVI Khánh Hoà kiêm Phó TGD PVI Hà Nội - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí PVI - Từ năm 2005 đến 2006: Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí PVI - Từ năm 2002 đến 2005: Trưởng phòng khu vực 4 Hà Nội thuộc Trụ sở chính, kiêm đặc phái viên của TGD tại PJICO Sài Gòn, kiêm phụ trách Chi nhánh PJICO Bắc Ninh, PJICO Long An, PJICO Lào Cai - Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolomex (PJICO) - Từ năm 1996 đến 2000: Cán bộ kinh doanh phụ trách bồi thường nghiệp vụ hàng hải - Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng (Bảo Long) - Từ năm 1993 đến 1996: Giám định viên độc lập - Công ty Giám định Hàng hoá xuất nhập khẩu (Vinacontrol)
Chức vụ hiện tại nắm giữ ở các tổ chức khác	Không có

Kế toán trưởng - Trần Việt Quân	
Ngày sinh	15/09/1975
Nơi sinh	Hà Nội
Số CMTND/Hộ chiếu	011947251 Nơi cấp: Hà Nội Ngày cấp: 15/04/1996
Quê quán	Hà Nội
Địa chỉ thường trú	220 Quan Nhân, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế

Kế toán trưởng – Trần Việt Quân	
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none">- Từ tháng 02/2013 đến nay: Kế toán trưởng kiêm Trưởng Ban Tài chính - Điện toán - Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không- Từ tháng 9/2010 đến tháng 02/2013: Trưởng Ban Thư ký Tổng hợp, đồng thời tham gia hỗ trợ thực hiện công tác lập kế hoạch và công việc liên quan đến tài chính- Từ tháng 11/2009 đến tháng 9/2010: Trưởng Ban Thư ký Tổng hợp, đồng thời tham gia hỗ trợ thực hiện công tác lập kế hoạch và công việc liên quan đến tài chính- Từ tháng 07/2008 đến tháng 11/2009: Trưởng Phòng Đầu tư, Ban Đầu tư, CTCP Bảo hiểm Hàng không- Từ tháng 06/2008 đến tháng 07/2008: Thư ký Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cavico Xây dựng cầu hầm- Từ tháng 03/2008 đến tháng 06/2008: Phó phòng Phụ trách Tài chính Công ty cổ phần Cavico Xây dựng cầu hầm- Từ tháng 06/2007 đến tháng 03/2008: Giám đốc Công ty cổ phần In và Phát hành sách Việt Nam- Từ tháng 06/2002 đến tháng 06/2007: Kế toán Trưởng kiêm Trưởng Ban Tài chính Điện toán Công ty cổ phần Xây dựng Công trình 1 (CIENCO 1)- Từ tháng 03/2002 đến tháng 06/2002: Phó phòng Tài vụ Ban Quản lý Điều hành dự án cầu Tuyên Sơn (Liên danh CIENCO 1 - CIENCO 5)- Từ tháng 08/1996 đến tháng 03/2002: Kế toán tổng hợp Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1
Chức vụ hiện tại nắm giữ ở các tổ chức khác	Không có

2.2. Những thay đổi trong Ban Tổng Giám đốc

- ✦ Miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng kiêm Trưởng Ban Tài chính – Kế toán đối với ông Phạm Tuấn Thắng kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2013; và
- ✦ Bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng kiêm Trưởng Ban Tài chính – Kế toán đối với ông Trần Việt Quân kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2013.

2.3. Số lượng cán bộ công nhân viên: 281 người

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- ✦ Thu hoạt động tài chính là 74,26 tỷ đồng, hoàn thành 87,7% kế hoạch. Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán chỉ đạt 74% kế hoạch tương đương mức 20,9 tỷ đồng, trong đó doanh thu từ hoạt động đầu tư cổ phiếu và doanh thu hoạt động đầu tư khác đạt mức thấp lần lượt là 56%. Doanh thu từ hoạt động đầu tư tiền gửi vượt kế hoạch 14,4% đạt mức 53,1 tỷ đồng.
- ✦ Lợi nhuận HĐ Tài chính đạt 58,87 tỷ đồng, tương đương 90,2% kế hoạch (giảm 6,41 tỷ đồng).

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	%
1 Tổng giá trị tài sản	943.093.302.966	992.928.620.379	95%
2 Doanh thu thuần	174.154.240.188	205.817.814.822	85%
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(3.894.587.570)	(7.711.661.507)	51%
4 Lợi nhuận khác	38.387.912.126	59.029.997.709	65%
5 Lợi nhuận trước thuế	37.972.917.494	48.867.759.570	71%
6 Lợi nhuận sau thuế	25.000.095.183	38.040.112.129	66%
7 Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	4.3%	6.80%	63%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
■ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	4,25	3,64	
TSLĐ/Nợ ngắn hạn			
■ Hệ số thanh toán nhanh:	4,25	3,64	
TSLĐ - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
■ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,44	0,45	
■ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,78	0,83	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
■ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,18	0,21	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
■ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,14	0,18	
■ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,05	0,07	
■ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,03	0,04	
■ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(0,02)	(0,04)	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

Tổng số cổ phần đã phát hành	:	50.000.000
Mệnh giá cổ phần	:	10.000
Loại cổ phần đang lưu hành	:	Cổ phần phổ thông
Số cổ phần tự do chuyển nhượng	:	50.000.000
Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng	:	0

5.2. Cơ cấu cổ đông

Chỉ tiêu	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu
■ Theo tỷ lệ sở hữu		
<i>Cổ đông lớn</i>	41.610.000	83%
<i>Cổ đông nhỏ</i>	8.390.000	17%
■ Theo hình thức sở hữu		
<i>Cổ đông tổ chức</i>	40.494.000	81%
<i>Cổ đông cá nhân</i>	9.506.000	19%
■ Theo loại hình sở hữu		
<i>Cổ phiếu Nhà nước</i>	-	0%
<i>Cổ phiếu khác</i>	50.000.000	100%
■ Theo địa lý		
<i>Cổ đông trong nước</i>	50.000.000	100%
<i>Cổ đông nước ngoài</i>	-	0%

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính

Tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường bảo hiểm phi nhân thọ năm 2013

Nền kinh tế Việt Nam trong năm 2013 bắt đầu có một số chuyển biến tích cực, cụ thể: GDP tăng trưởng 5,24%, Nguồn vốn FDI thực hiện tăng 10% so với năm 2012. Xuất nhập khẩu tăng trưởng 14,4%, nhập siêu đang ở mức thấp nhất trong 3 năm trở lại đây.

Tuy nhiên, Nền kinh tế Việt Nam trong năm 2013 vẫn phải đối mặt với hàng loạt khó khăn thách thức: hàng tồn kho ở mức cao, tăng trưởng tín dụng đạt dưới 10%, thấp hơn nhiều so với mục tiêu 12% của năm 2013. Quá trình xử lý nợ xấu còn chậm; Số lượng doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động vẫn ở mức cao (Có trên 60.000 doanh nghiệp phải giải thể hoặc tạm ngừng hoạt động trong năm 2013)...Những yếu tố khách quan đó ảnh hưởng đến thị trường bảo hiểm Việt Nam nói chung và thị trường phi nhân thọ nói riêng.

Tổng doanh thu bảo hiểm gốc toàn thị trường Phi nhân thọ năm 2013 đạt 24.454 tỷ đồng, tăng trưởng 7,46%, đây là mức tăng trưởng thấp nhất từ năm 1993 đến nay. Đáng chú ý một số nghiệp vụ năm 2013 có sự sụt giảm so với năm 2012 như: BH hàng không đạt 585 tỷ (giảm 24%);

BH cháy nổ và mọi rủi ro tài sản đạt 1.753 tỷ (giảm 20%); bảo hiểm thân tàu và TNDS chủ tàu (giảm 6,7%). Tỷ lệ bồi thường gốc toàn thị trường ở mức 44%.

Năm 2013 có nhiều thiên tai, tai nạn xảy ra: 16 cơn bão liên tiếp đổ vào Việt Nam, cháy nổ gia tăng; tai nạn giao thông chưa thuyên giảm nhưng số vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng gia tăng. Bên cạnh đó, tình trạng trục lợi bảo hiểm, tình trạng mất khả năng thanh toán phí bảo hiểm của các doanh nghiệp/ cá nhân gia tăng, trực tiếp gây ảnh hưởng xấu đến lợi nhuận mà các công ty bảo hiểm phi nhân thọ đạt được trong năm 2013.

Tổng thể tình hình thực hiện kết quả kinh doanh

Năm 2013, tổng doanh thu của VNI đạt 512,4 tỷ đồng, đạt 91% kế hoạch của năm 2013 và đạt 96% so với cùng kỳ 2012. Doanh thu phí bảo hiểm gốc 450,7 tỷ đồng đạt 90% kế hoạch; Đáng lưu ý doanh thu phí hàng không thực hiện trong năm 2013 đạt 213,5 tỷ đồng, tăng trưởng 7% so với cùng kỳ 2012. Doanh thu hoạt động đầu tư đạt 61,7 tỷ đồng tương đương 97% kế hoạch.

Lợi nhuận trước thuế đạt 34,5 tỷ đồng tương đương 111% kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế đạt 25 tỷ đồng tương đương 108% kế hoạch.

2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Về công tác khai thác: Kiên định với mục tiêu hiệu quả- bền vững, VNI đã định hướng cho các CN/ đơn vị kinh doanh gia tăng các nghiệp vụ có tỷ lệ bồi thường thấp, giảm các dịch vụ có tỷ lệ bồi thường cao và đánh giá kỹ rủi ro khi cấp đơn. Kết quả là:

- *Tỷ trọng của những nghiệp vụ tiềm ẩn tỷ lệ bồi thường cao có xu hướng giảm.* Điển hình: nghiệp vụ BH tàu; BH hàng có xu hướng giảm trong tổng doanh thu phi hàng không (BH hàng có tỷ trọng giảm từ 10% xuống còn 8.8% tổng doanh thu phi HK);

- *Tỷ trọng doanh thu từ bảo hiểm VCX trong cơ cấu doanh thu BH Xe ô tô cũng giảm từ mức 55.8% (năm 2012) xuống còn mức 48.6% (năm 2013);* Gia tăng tỷ trọng của nghiệp vụ BH TNDS được đánh giá là có hiệu quả tốt.

Về công tác quản lý, kiểm soát bồi thường: Năm 2013, Công tác kiểm soát bồi thường đã được VNI đẩy mạnh thông qua việc ban hành và thực hiện một loạt các quy định nhằm kiểm soát tốt tỷ lệ bồi thường như: Quy định bắt buộc về chụp ảnh, miêu tả đối tượng khi cấp đơn; quy định về tiêu chí khai thác; Yêu cầu về các trường hợp bắt buộc phải giám định hiện trường; Áp dụng trung tâm tiếp nhận thông báo tổn thất tập trung cho thị trường Hà Nội.....

- *Tỷ lệ bồi thường của VNI trong năm 2013 đã có bước chuyển biến đáng kể.* Tỷ lệ bồi thường chung của BH phi hàng không dự kiến giảm từ 43.1% (năm 2012) xuống còn 33.2% (năm 2013). Đáng chú ý là tỷ lệ bồi thường xe cơ giới giảm mạnh từ mức 73.4% (năm 2012) xuống mức 40.2% (năm 2013); Tỷ lệ bồi thường BH xe ô tô (gồm cả VCX và TNDS) giảm từ 81.4% (năm 2012) xuống mức 43.8% (năm 2013) chủ yếu do tỷ lệ bồi thường VCX giảm từ 118% (năm 2012) xuống còn 72.3% (năm 2013).

Về công tác phát triển mạng lưới, hệ thống: Trong năm công ty tổ chức 4 lớp đào tạo với tổng số đại lý dự kiến được đào tạo là 106 người cho 4 khu vực: Hải phòng, Đà Nẵng, Hải

Dương và Hà Nội (Đã hoàn tất 3 lớp, cấp chứng chỉ đại lý cho 85 người). Một số chi nhánh như chi nhánh Đà Nẵng, CN Tây nguyên, CN Hà nội đã xây dựng và sẽ triển khai chương trình phát triển hệ thống đại lý chuyên nghiệp. Tạo tiền đề thực hiện tốt doanh thu kế hoạch năm 2014.

Về công tác nhân sự, tổ chức

Tại trụ sở chính: Trong năm 2013, VNI đã thực hiện thành công tái cơ cấu, sắp xếp các phòng ban tại trụ sở chính. Theo đó:

✦ Số lượng các ban tại trụ sở chính giảm từ 13 ban còn 11 ban (gồm cả ban TGD & Ban TKTH). Các ban nghiệp vụ, bồi thường cũng được tổ chức hướng đến phục vụ tốt 2 nhóm đối tượng khách hàng chính là: khách hàng cá nhân (ban nghiệp vụ 2) và khách hàng tổ chức, doanh nghiệp (ban NV1).

✦ Tỷ trọng cơ cấu gián tiếp/ trực tiếp tại trụ sở chính cũng được thay đổi theo hướng tăng tỷ trọng của nhóm trực tiếp (kinh doanh) từ 23% lên 37% trong tổng số lao động tại TSC (71 người), tạo điều kiện tăng trưởng năng suất lao động và hiệu quả trong các năm tiếp theo.

Tại hệ thống chi nhánh: Công tác sáp nhập, sắp xếp lại hệ thống chi nhánh/VPKV đã được đẩy mạnh và hoàn tất. Tại từng chi nhánh, ban giám đốc cũng quyết liệt hơn trong việc xử lý các nhân sự không hiệu quả; sắp xếp tổ chức lại hệ thống nhân sự tại chi nhánh theo hướng hiệu quả gọn nhẹ (mục tiêu cơ cấu nhân sự tại chi nhánh: 30% lao động gián tiếp/ 70% lao động trực tiếp). Tính đến thời điểm 30/11/2013, 6/10 chi nhánh/ đơn vị đã tương đối đạt được cơ cấu nhân sự: 70% lao động trực tiếp/ 30% lao động gián tiếp như đã đề ra.

Về công tác quản lý Tài chính- Kế toán

Công tác quản lý tài chính kế toán trong năm cũng được VNI tập trung đẩy mạnh và đạt những kết quả tốt. Cụ thể:

✦ Thiết lập lại kỷ cương trong công tác quản lý tài chính tại đơn vị, kiểm soát chặt tình hình thu-chi tại các đơn vị. Không để đơn vị chi vượt định mức chi phí kinh doanh, chi vượt quỹ lương của công ty.

✦ Thường xuyên tổ chức kiểm tra sử dụng ấn chỉ trong toàn hệ thống. Tình trạng ấn chỉ quá hạn chỉ còn nằm trong ngưỡng cho phép của Công ty nên không còn tình trạng chiếm dụng phí xảy ra nhiều như trước đây.

✦ Giám sát chặt chẽ tình hình trích lập dự phòng bồi thường để phản ánh đúng tình hình tài chính của Công ty.

✦ Xử lý được đáng kể công nợ tồn đọng nhất là công nợ nhận, nhượng tái bảo hiểm.

✦ Xử lý được về cơ bản tồn đọng công nợ ngoại bảng đã quá hạn thanh toán.

✦ Tổ chức Hội nghị TC-KT để đào tạo, giải đáp các vướng mắc về tài chính, hạch toán kế toán cho đội ngũ Kế toán toàn hệ thống.

✦ Đã Quyết toán thuế GTGT và TNDN đến hết năm 2012.

✦ Tổ chức sáp nhập hệ thống sổ sách, BCTC của các đơn vị bị sáp nhập, không còn tình trạng 1 chi nhánh có 02 báo cáo tài chính như trước đây.

✦ Cắt giảm định biên cán bộ kế toán theo chủ trương chung của Công ty.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- ✦ Tăng trưởng doanh thu phi hàng không gấp 2 lần tốc độ tăng trưởng bình quân của thị trường phi nhân thọ trong năm 2014 (10%).
- ✦ Phát triển mạng lưới đại lý chuyên nghiệp của VNI hướng tới đạt tối thiểu 100 đại lý chuyên nghiệp trên toàn hệ thống trong năm 2014.
- ✦ Phát triển sản phẩm mới hướng đến khai thác tối đa tiềm năng của hệ thống khách hàng cổ đông công ty.
- ✦ Kiểm soát chặt tình hình bồi thường, tỷ lệ bồi thường chung không vượt quá 31%.
- ✦ Kiện toàn bộ máy tổ chức công ty, tỷ lệ nhân sự trực tiếp trong cơ cấu nhân sự đạt tối thiểu 70%; Nâng năng suất lao động vượt mức 700 triệu/ người/năm doanh thu phi hàng không.
- ✦ Không chi nhánh/ TTKD nào vượt chi trong năm 2014.

IV. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2013, tình hình kinh tế của Việt Nam đã có những cải thiện và tương đối ổn định, lạm phát giảm, tỷ giá ổn định. Tuy nhiên, mức tăng trưởng GDP đạt thấp 5,4%; tổng cầu của nền kinh tế chưa có dấu hiệu phục hồi, nhiều doanh nghiệp rơi vào tình trạng giải thể, phá sản. Doanh thu phí hiểm phi nhân thọ toàn thị trường đạt 24.454 tỷ đồng, là năm có mức tăng trưởng dưới hai con số đạt 7%; thấp hơn mức tăng trưởng của năm 2012 là 9,4%; việc khai thác hợp đồng mới bảo hiểm, tái tục gặp nhiều khó khăn. Tình hình cạnh tranh trên thị trường bảo hiểm diễn ra ngày càng gay gắt bằng việc hạ phí, mở rộng điều khoản bảo hiểm nhằm chiếm lĩnh thị phần. Trong bối cảnh đó, Hội đồng quản trị (HĐQT) VNI đã quyết liệt chỉ đạo trong công tác tái cấu trúc toàn diện VNI từ hội sở chính cho tới các chi nhánh trên tất cả các mặt và đã đưa VNI hoạt động ổn định, tạo tiền đề vững chắc cho phát triển trong những năm tiếp theo

Ngày 28/06/2013, HĐQT đã thống nhất và ban hành Điều lệ sửa đổi quy định và hướng dẫn chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban.

Bên cạnh đó, HĐQT còn phối hợp với các tổ chức Đảng và Công đoàn VNI tổ chức các hoạt động ngoại khóa động viên, thể hiện tinh thần đoàn kết, đồng tâm nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh doanh.

Hoạt động kinh doanh năm 2013 tuy không đạt chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu nhưng đã vượt kế hoạch lợi nhuận đề ra, HĐQT đánh giá cao sự nỗ lực, phấn đấu của toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

HĐQT đánh giá cao và ghi nhận sự cố gắng của tập thể Ban lãnh đạo, cán bộ quản lý và toàn bộ cán bộ công nhân viên VNI. Tổng Giám đốc đã tổ chức sắp xếp nhân sự, cải tổ bộ máy tổ chức ở các đơn vị tạo điều kiện cho công tác khai thác của các cán bộ kinh doanh và giải quyết khiếu nại, bồi thường kịp thời cho khách hàng.

3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

- ✦ Thường xuyên chỉ đạo, giám sát Ban điều hành, kịp thời đưa ra các định hướng, giải pháp phù hợp, hiệu quả nhằm thực hiện thành công kế hoạch SXKD.

- ✦ Tăng cường hoạt động quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn hoạt động để phát triển bền vững; đáp ứng quy định về các tỷ lệ an toàn hoạt động.
- ✦ Tăng cường chỉ đạo đối với công tác khách hàng nhằm tạo lập cơ sở khách hàng ổn định và bền vững, đặc biệt là khách hàng lớn và khách hàng cổ đông.
- ✦ Tiếp tục hoàn thiện việc rà soát; bổ sung, sửa đổi; ban hành mới các quy chế, quy định phù hợp với thực tiễn sau 6 năm hoạt động của VNI đồng thời tạo cơ chế năng động, linh hoạt trong kinh doanh.
- ✦ Phối hợp với Ban kiểm soát để nâng cao việc quản trị Công ty, thực hiện phối hợp đồng bộ, có hiệu quả với Ban kiểm soát trong công tác kiểm tra, giám sát.
- ✦ Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị thông qua bổ sung nhiệm vụ của Ban Thư ký-tổng hợp; định kỳ tổ chức khảo sát, tìm hiểu thực trạng hoạt động của các Chi nhánh, trung tâm để nắm bắt thực tiễn và định hướng chính sách phù hợp.
- ✦ Triển khai niêm yết cổ phiếu VNI trên Sở giao dịch chứng khoán TPHCM tại thời điểm thích hợp.
- ✦ Hoàn thiện cơ cấu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát theo cơ cấu cổ đông mới của Công ty.

V. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty

1. Hội đồng quản trị

Trong năm 2013, HĐQT thực hiện 5 phiên họp thường kỳ trao đổi, xử lý các vấn đề phát sinh. Các vấn đề phát sinh được HĐQT xử lý thông qua hình thức lấy văn bản hoặc qua email và xác nhận lại tại các phiên họp HĐQT.

Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và hoàn thiện cơ bản Đề án chiến lược phát triển và Phương án tái cơ cấu Công ty nhằm ổn định và kiên định định hướng phát triển Công ty theo mục tiêu hiệu quả, bền vững. Đề án tái cơ cấu về mô hình tổ chức của Công ty đã được phê duyệt và từng bước triển khai theo hướng tinh giảm biên chế khối gián tiếp, đặc biệt trên Hội sở chính; tổ chức kiện toàn các Ban, Phòng theo hướng giảm bớt đầu mối, giảm cấp trung gian; xây dựng phương án sáp nhập các văn phòng đại diện vào các Chi nhánh để giảm đầu mối và giảm chi phí quản lý.

Hoạt động của HĐQT và Tổng giám đốc Công ty tuân thủ các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty, Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật. Sự phối hợp giữa HĐQT và BKS trong các hoạt động của Công ty có hiệu quả tốt, chắc chắn từ đó hỗ trợ cho việc điều hành và quản lý Công ty. Tuy vậy, HĐQT cũng nghiêm túc đánh giá và thừa nhận còn những hạn chế trong công tác quản trị Công ty. Hội đồng quản trị chưa sâu sát và hỗ trợ tối đa trong quá trình khai thác các hoạt động bảo hiểm từ các khách hàng lớn, khách hàng cổ đông dẫn tới doanh thu chưa đạt như mong muốn theo kế hoạch; chậm hoàn thiện bộ máy giám sát và kiểm soát hoạt động của Hội đồng quản trị là cho hoạt động kiểm tra, giám sát chưa đạt kết quả như mong muốn. Hội đồng quản trị Công ty nhận rõ những hạn chế trong công tác chỉ đạo, phối hợp và sẽ kịp thời

khắc phục nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả của công tác quản trị của Công ty. (Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát - Phụ lục 01).

2. Ban kiểm soát

Năm 2013 Công ty đã có nhiều hoạt động quản trị nhằm tối đa hóa hiệu quả bộ máy quản lý điều hành, quyết liệt hơn trong chỉ đạo hoạt động kinh doanh, tổ chức nhân sự và minh bạch thông tin tài chính. Công ty đạt mức lợi nhuận trước thuế khoảng 34,493 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 25 tỷ đồng (tương đương 108% kế hoạch 2013) tuy nhiên hoạt động kinh doanh bảo hiểm vẫn bị lỗ, hoạt động đầu tư còn gặp nhiều khó khăn và quy mô tài sản của Công ty giảm so với năm trước.

Công ty đã thực hiện tái cơ cấu, rà soát sắp xếp lại một số đơn vị hoạt động yếu kém. Một số Chi nhánh, VPKV đã chấm dứt hoạt động để đảm bảo, nâng cao hiệu quả quản lý, kinh doanh. Công ty đã rất nỗ lực trong việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý, điều hành, thực hiện rà soát, ban hành các văn bản quy định phục vụ cho công tác quản lý định mức bảo hiểm.

Đầu tư ngắn hạn của công ty tăng nhanh trong khi các khoản đầu tư dài hạn giảm đáng kể, thể hiện doanh thu hoạt động đầu tư của Công ty chủ yếu từ gửi tiền tiết kiệm và phụ thuộc vào biến động lãi suất tiền gửi tiết kiệm trên thị trường vốn ngắn hạn hơn là các hoạt động đầu tư vốn vào kênh chứng khoán, trái phiếu dài hạn, góp vốn.

Việc lập, giao và triển khai kế hoạch kinh doanh đã được cải thiện tốt hơn. Bộ phận kiểm soát nội bộ của Công ty đã thực hiện nhiều đợt kiểm tra, kiểm soát phát hiện và chấn chỉnh các tồn tại tại các đơn vị, tuy nhiên bản thân hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty còn nhiều hạn chế về cơ chế hoạt động.

Về chính sách đối với người lao động: Công ty tuân thủ đúng Pháp luật và các quy định của nhà nước về chính sách đối với người lao động. Mặc dù trong điều kiện kinh doanh khó khăn nhưng Công ty vẫn duy trì những chính sách và chế độ khác ngoài lương (gồm thưởng, phúc lợi) để quan tâm đến người lao động. Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ tuân thủ đúng quy định tuyển dụng của Công ty và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Nghĩa vụ thuế và đối với nhà nước và các nghĩa vụ với các bên thứ ba: Công ty thực hiện tốt các nghĩa vụ thuế với nhà nước. Không có kiện tụng, tranh chấp lớn đáng kể ngoài tầm kiểm soát của Công ty trong quan hệ với khách hàng.

Thay đổi cổ đông lớn: Năm 2013 các cổ đông sáng lập và đều nắm giữ 10% vốn Điều lệ Công ty là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần cho các cổ đông khác (Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hà Nội nhận chuyển nhượng và sở hữu 9.000.000 cổ phần và Bà Trịnh Thị Lan nhận chuyển nhượng và sở hữu 1.000.000 cổ phần). Việc chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông sáng lập trên tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trong năm 2013 Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại, khiếu kiện nào của các cổ đông Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát trong năm:

Đơn vị tính: nghìn đồng

	Năm 2013	Năm 2012
Ban Tổng giám đốc	1.422.087	1.236.223
Lương thưởng của Ban Tổng giám đốc	1.422.087	1.236.223
Hội đồng quản trị	1.413.200	1.376.400
Phụ cấp, thù lao	1.413.200	1.376.400

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán (Công ty TNHH Deloitte Việt Nam)

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan.” (Trích trang 3 – Báo cáo tài chính đã kiểm toán Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không, phát hành ngày ... tháng ... năm 2014)

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Đính kèm.

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2014

Chủ tịch HĐQT



Trần Thanh Hiền

VII. Phụ lục 01 - Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

STT	Tên tổ chức/cá nhân	TKCK	Chức vụ tại VNI	Chứng minh thư nhân dân/ Đăng ký kinh doanh			Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
				Số	Ngày cấp	Nơi cấp				
1	Trần Thanh Hiền		Chủ tịch HĐQT	012636717	08/01/2004	Hà Nội				
2	Phạm Hồng Thái		TV HĐQT	01255167	06/03/2012	Hà Nội				
3	Đào Mạnh Kháng		TV HĐQT	012073456	09/07/2009	Hà Nội				
4	Phạm Việt Minh		TV HĐQT	011787853	02/03/2005	Hà Nội	22.700	0,045%		
5	Nguyễn Văn Thịnh		TV HĐQT	012548326	11/08/2002	Hà Nội				
6	Sử Bùi Bảo Ngọc		TV HĐQT	011634950	13/06/2006	Hà Nội				
7	Nguyễn Thị Thu Trang		TV HĐQT	012086885	20/10/2011	Hà Nội	26.000	0,052%		
8	Lương Đức Chính		TV BKS	011784837	01/06/2006	Hà Nội	15.000	0,030%		
9	Nguyễn Thị Phương Thảo		TV BKS	01201725	12/01/1999	Hà Nội	20.000	0,040%		
10	Nguyễn Thị Thiên Kim		TV BKS	011720261	17/07/2008	Hà Nội				
11	Nguyễn Thị Kim Thoa		Trưởng BKS	011088802	16/04/1999	Hà Nội				
12	Nguyễn Anh Đức		TGD	011854650	13/04/2006	Hà Nội	80.000	0,16%		
13	Trần Trọng Dũng		Phó TGD	100444381	23/11/2009	Quảng Ninh				
14	Vũ Tuấn Phan		Phó TGD	011287403	06/01/2010	Hà Nội				
15	Trần Việt Quân		KTT	011947251	15/04/1999	Hà Nội				

